

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 08-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Tấn Lãm**

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-DS Ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị A, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Phí Ngọc B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 1, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lưu Thị C, sinh năm 1968; Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; cùng nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước. (ông D có mặt, bà C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Lâm Thị A và người đại diện theo ủy quyền của bà A ông Phí Ngọc B cùng trình bày:

Trước đây vợ chồng bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D có nhờ bà Lâm Thị A vay dùm số tiền 300.000.000 đồng tiền ngày với lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000/1

ngày. Do tin bà C, ông D nên bà A đã đi vay dùm rồi đưa trực tiếp cho bà C, ông D vay số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 26 tháng 9 năm 2018, thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày nhưng không có làm giấy vay tiền cũng như không có thế chấp tài sản. Quá trình vay nợ thì bà C, ông D mới trả cho bà A được 50.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại tiền gốc là 250.000.000 đồng và lãi phát sinh chưa trả. Bà A đã đi đòi tiền nhiều lần, mượn tiền chỗ khác để đóng lãi thay ông D, bà C nhưng ông D, bà C vẫn không chịu trả tiền cho bà A. Vào ngày 24 tháng 11 năm 2021, bà A đã gửi Văn bản thông báo yêu cầu gia đình bà C, ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà A nhưng bà C, ông D vẫn không hồi đáp. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc vay còn lại là 250.000.000 đồng, ngoài ra bà C, ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc là 250.000.000 đồng chỉ tính từ ngày khởi kiện cho đến khi kết thúc vụ án là 10%/năm. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B đại diện cho bà A không yêu cầu tính tiền lãi đối với bà C, ông D.

Trong quá trình thu thập chứng cứ tại Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D và bà Lưu Thị C là vợ chồng hợp pháp với nhau, còn bà Lâm Thị A là hàng xóm, việc Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án thì ông D, bà C có nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng này. Tuy nhiên, việc bà C vay tiền của bà A như thế nào thì lúc đầu ông D không biết việc này, sau này bà A qua nhà nói chuyện thì ông D mới biết và vợ ông là bà C có thừa nhận. Theo đó thì bà C có vay của bà A số tiền là 300.000.000 đồng, không rõ ngày tháng vay, khi vay thì không có làm giấy tờ và không có thế chấp gì, mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại, ông D không biết giữa bà C và bà A thỏa thuận lãi suất cũng như thời hạn vay là bao nhiêu, sau khi vay tiền thì bà C đã trả được cho bà A số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn thiếu là 250.000.000 đồng hiện nay chưa trả được vì điều kiện gia đình ông D, bà C gặp nhiều khó khăn, việc bà C có trả cho bà A số tiền lãi nào hay chưa thì ông D không biết. Nay tại tòa án, ông D đồng ý cùng vợ là bà C trả nợ cho bà A số tiền 250.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên ông D, bà C xin khất lại đến tháng 6 năm 2023 thì sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà A.

Bị đơn bà Lưu Thị C vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị A. Buộc bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị A số tiền là gốc còn lại là 250.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi do đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn bà Lâm Thị A thực hiện quyền khởi kiện, đồng thời ủy quyền cho ông Phí Ngọc B tham gia tố tụng. Bị đơn bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 10, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là bà Lưu Thị C vắng mặt nhiều lần, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Việc bà C vắng mặt là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng bà C theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Mặc dù trong quá trình giao dịch vay nợ, giữa các đương sự không làm giấy tờ gì, quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Lưu Thị C vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào Biên bản lấy lời khai lập ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập của đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn D và văn bản trình bày về xuất xứ chứng cứ và tài liệu được dịch ra văn bản từ chứng cứ là File thu hình của bà Nguyễn Thị Hồng được dịch ra ngày 20 tháng 12 năm 2021 thì ông D, bà C cũng đều thừa nhận là có vay của bà A số tiền là 300.000.000 đồng, quá trình vay thì bà C đã trả cho bà A được số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc và

còn nợ bà A số tiền là 250.000.000 đồng. Như vậy, việc xác lập vay tiền giữa bà C và bà A là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên trong hợp đồng vay tài sản thì các bên không có giấy mượn tiền và cũng không thể hiện ngày trả nợ số tiền nêu trên vào ngày tháng năm nào. Nên vào ngày 24 tháng 11 năm 2021 thì bà A đã ra thông báo về việc đòi lại số tiền đã vay để bà C, ông D được biết, trong đó ghi rõ việc bà A đề nghị bà C, ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc còn lại là 250.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh chậm trả vào trước ngày 12 tháng 12 năm 2021 nhưng bà C, ông D không trả cho bà A số tiền gốc và lãi suất nào. Do vậy tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Phí Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị A yêu cầu bà C, ông D có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc đã vay còn lại là 250.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Đối với yêu cầu của bà A về tính tiền lãi của số tiền còn lại là 250.000.000 đồng mà bà C, ông D còn nợ, theo mức lãi suất tính từ ngày khởi kiện (*ngày 14 tháng 12 năm 2021*) cho đến thời điểm xét xử (*ngày 08 tháng 9 năm 2022*). Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B đại diện theo ủy quyền của bà A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bà C, ông D. Xét thấy, việc không yêu cầu không tính tiền lãi của ông Minh là đại diện theo ủy quyền của bà A là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C, ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 217 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị A về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

2. Tuyên xử:

Buộc bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị A số tiền gốc đã vay còn nợ lại là 250.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị A về tính lãi do đã rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị C, ông Nguyễn Văn D phải nộp là 12.500.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 6.250.000 đồng cho bà Lâm Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006109 ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: bà Lâm Thị A, ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Lưu Thị C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa pA.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh